

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 501/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2018 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, chị Phạm Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố

Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Chị T và anh Q sau khi cưới về sinh sống tại thôn A, xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng cùng bố mẹ đẻ anh Q. Quá trình chung sống đến tháng 12 năm 2016 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Anh Q mải chơi, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trở nên sâu sắc, trầm trọng. Nên đến cuối năm 2016 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân tới nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A1 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Đỗ Thị Trâm A1. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Q tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh Q không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị T đã nộp cho Tòa án: Giấy kết hôn số 56 ngày 19 tháng 9 năm 2016; Bản sao: Giấy khai sinh của con chung; Chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Đỗ Xuân Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả xác minh số 63/TB-TA ngày 07/9/2018 nhưng không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Đỗ Xuân Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song đến ngày mở phiên tòa, anh Đỗ Xuân Q vẫn không trình bày ý kiến gì về việc chị Phạm Thị T xin ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2018 và biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 30/8/2018 thể hiện quá trình kết hôn, chung sống, quá trình mâu thuẫn, ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, sâu sắc không thể hàn gắn tình cảm, hòa giải đoàn tụ được và về con chung như chị T đã trình bày.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Phạm Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được,

anh Q không có ý kiến gì nên đó là sự thật và thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, anh Q không có ý kiến gì nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết cho chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q được ly hôn. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A1 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2017, do con chung đang dưới 36 tháng tuổi đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T trình bày đề chị và anh Q tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q được xác lập vào năm 2016 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận

đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng cuối năm 2016 đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, xô xát, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Phạm Thị T xin ly hôn với anh Đỗ Xuân Q. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T với anh Đỗ Xuân Q.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A1 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nhận nuôi con chung. Quá trình điều tra xác minh chị T có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, con chung Đỗ Thị Trâm A1 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2017 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Đỗ Thị Trâm A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T trình bày để tự thỏa thuận và anh Q không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Đỗ Thị Trâm A1 sinh ngày 27 tháng 3 năm 2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực

hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị T trình bày đề tự thỏa thuận giải quyết, anh Đỗ Xuân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Xuân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Phạm Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0009207 ngày 16 tháng 7 năm 2018; Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T, anh Đỗ Xuân Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Vân